TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/DS-ST
Ngày: 28/4/2023
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Nhàn;

2. Ông Tôn Phước Thuận.

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Bá Thi, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 431/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A; địa chỉ: số 130 Phan Đăng Lưu, phường 3, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng A: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1989; chức vụ: Nhân viên Ngân hàng A – Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch C; địa chỉ: số 06A Nguyễn Hữu Cảnh, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 26/12/2022); có văn bản xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Q, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn L, sinh 1969; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt;

3.2. Hội Liên hiệp Phụ nữ xã L; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Thanh L, chức vụ: Chủ tịch - Hội Liên hiệp Phụ nữ xã L; vắng mặt;

3.3. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1959; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn Ngân hàng A trình bày: Bà Bùi Thị Q có quan hệ tín dụng với Ngân hàng A – Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch C chi tiết theo hợp đồng tín dụng số 00690616/0133675701T18037 ngày 13/7/2018, số tiền vay 20.000.000đồng, lãi suất tính trên dư nợ ban đầu 10%/năm (lãi suất quá hạn 15%/năm), thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 13/7/2018 đến ngày 13/7/2019), phương thức thanh toán nợ gốc và lãi vay được bên vay trả góp liên tục 12 kỳ, cụ thể: 11 kỳ, mỗi kỳ 1.840.000đồng, kỳ cuối trả 1.760.000đồng. Biện pháp đảm bảo: Tín chấp có bảo lãnh. Tính đến ngày 02/11/2022, bà Bùi Thị Q đã trả cho ngân hàng số tiền 14.720.000đồng, cụ thể: đã trả đúng 08 kỳ góp (14.720.000đồng, gồm vốn: 12.976.412đồng, lãi trong hạn: 1.743.588đồng). Như vậy tính đến ngày 02/11/2022 bà Bùi Thị Q đã trả được là: 14.720.000đồng, gồm vốn: 12.976.412đồng, lãi trong hạn: 1.743.588đồng. Do bà Bùi Thị Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 13/7/2019, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 02/11/2022, bà Bùi Thị Q còn nợ các khoản sau: Vốn 7.203.588đồng, lãi trong hạn: 256.412đồng, lãi quá hạn: 3.603.919đồng, phí thường niên duy trì thẻ: 110.000đồng. Tổng cộng: 10.993.919đồng. Kính đề nghị Tòa thụ lý vụ án, xem xét và phán quyết, buộc: bà Bùi Thị Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A: Vốn 7.203.588đồng, lãi trong hạn: 256.412đồng, lãi quá hạn: 3.603.919đồng, phí thường niên duy trì thẻ: 110.000đồng. Tổng cộng: 10.993.919đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/11/2022 đến ngày bà Bùi Thị Q thực trả hết nợ cho Ngân hàng A theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00690616/0133675701T18037 ngày 13/7/2018. Trong trường hợp bà Bùi Thị Q không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A thì ông Nguyễn Văn L phải trả nợ thay cho bà Bùi Thị Q cho đến khi hết nợ vay tại Ngân hàng A.

Bị đơn bà Bùi Thị Q không gửi ý kiến cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thành L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà Bùi Thị Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A phí thường niên duy trì thẻ: 110.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 335, 336, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A;

- Buộc bà Bùi Thị Q trả số tiền 11.425.283đồng gồm vốn vay 7.023.588đồng, lãi trong hạn: 256.412đồng, lãi quá hạn: 4.145.283đồng. Trong trường hợp bà Bùi Thị Q không thực hiện đúng và đầy đủ thì ông Nguyễn Văn L phải trả nợ thay cho bà Bùi Thị Q;

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với số tiền phí thường niên duy trì thẻ: 110.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng A khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng dân sự với bà Bùi Thị Q. Bà Q có nơi cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định.

[2] Người đại diện của Ngân hàng A có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Bùi Thị Q, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị K đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo giấy ủy quyền ngày 02/7/2018, Hội Liên hiệp phụ nữ xã L có giao cho tổ trưởng tổ vay vốn để gom tiền vay, lãi mỗi tháng của các người vay. Tòa án đã đưa Hội Liên hiệp phụ nữ xã L và bà Nguyễn Thị K – là tổ trưởng tổ vay vốn vào tham gia tố tụng trong vụ án. Kết quả thu thập chứng cứ xác định Hội Liên hiệp phụ nữ xã L và tổ trưởng tổ vay vốn không có nhận tiền theo hợp đồng nên không xét.

[4] Ngân hàng A tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu bà Bùi Thị Q trả số tiền phí thường niên duy trì thẻ: 110.000đồng, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[5] Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Q trả tiền nợ vay còn thiếu tiền vốn 7.023.588đồng, căn cứ khởi kiện là Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00690616/0133675701T18037 ngày 13/7/2018. Theo hợp đồng, các bên đã tự nguyện giao kết, nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định cho nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, do bà Q vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nên việc khởi kiện của Ngân hàng A đòi bà Q trả tiền vay là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Q trả lãi tính đến ngày khởi kiện gồm: lãi trong hạn: 256.412đồng, lãi quá hạn: 3.603.919đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/11/2022 đến ngày bà Bùi Thị Q thực trả hết nợ cho Ngân hàng A theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00690616/0133675701T18037 ngày 13/7/2018. Thấy rằng, theo hợp đồng, được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và được thực hiện giải ngân. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Bùi Thị Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền theo định kỳ, nên Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Q trả số tiền nợ gốc là phù hợp với quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 282 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đối với tiền lãi phát sinh thì, theo Hợp đồng tín dụng, được giao kết giữa các bên, theo đó các bên thỏa thuận tiền lãi 10%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn (15%/năm), tính đến ngày 28/4/2023, lãi trong hạn: 256.412đồng, lãi quá hạn: 4.145.283đồng; tiền lãi các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật được hướng dẫn tại khoản 2 Điều 8, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và phù hợp với án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016, nên yêu cầu tính lãi của Ngân hàng A đến ngày xét xử được Tòa án chấp nhận và tiền lãi phát sinh được tính kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi theo hợp đồng tín dụng.

[7] Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn của thì người vay là bà Bùi Thị Q có sự bão lãnh của ông Nguyễn Văn L bảo lãnh trả nợ thay cho người vay, việc bảo lãnh phù hợp với quy định tại Điều 335 Bộ luật Dân sự cho nên Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A yêu cầu trong trường hợp bà Bùi Thị Q không thực hiện đúng và đầy đủ thì ông Nguyễn Văn L phải trả nợ thay cho bà Bùi Thị Q cho đến khi hết nợ vay tại Ngân hàng A.

[8] Về án phí: Ngân hàng A không phải chịu án phí; bà Bùi Thị Q phải chịu án phí đối với phần buộc có nghĩa vụ theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 280, 282, 335, 336, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A và xử như sau:

1) Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với phần yêu cầu bà Bùi Thị Q trả số tiền phí thường niên duy trì thẻ: 110.000đồng.

2) Buộc bà Bùi Thị Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số nợ tiền vay 7.023.588đồng (Bằng chữ: Năm triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn một trăm năm mươi hai đồng), lãi trong hạn: 256.412đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm mười hai đồng), lãi quá hạn: 4.145.283đồng (Bằng chữ: Bốn triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi ba đồng). Trong trường hợp bà Bùi Thị Q không thực hiện đúng và đầy đủ thì ông Nguyễn Văn L phải có trách nhiệm trả nợ thay cho bà Bùi Thị Q.

3) Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Bùi Thị Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 00690616/0133675701T18037 ngày 13/7/2018.

4) Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0013045 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; Bà Bùi Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 571.000đồng (Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi mốt nghìn đồng).

5) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hùng